

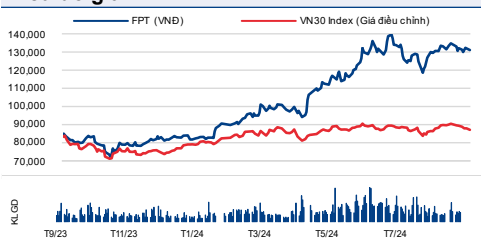
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ147,200
Tiềm năng tăng/giảm: 12.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/9/2024)	131,100
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	71,679-139,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	132,133
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	191,465
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,791
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,460
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	716
Slg CP NN được mua (tr.đv)	54.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	45.3%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	63,409	76,284
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,798	15,620
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,104	13,548
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,903	9,896
FCF (tỷ đồng)	5,539	4,786	7,194
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,937	6,181
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	20,037	23,718
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	19.2	22.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	5.91	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.2	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	17.5	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.5	13.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	40.5	40.4
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.4	14.1
ROAE (%)	28.1	29.2	31.0
ROACE (%)	29.3	30.4	31.3
EV/doanh thu (lần)	3.27	3.11	2.56
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.0	15.4	12.5
P/E ĐC (lần)	28.1	26.6	21.2
P/B (lần)	6.67	6.54	5.53
Lợi suất cổ tức (%)	1.53	1.53	1.91

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tháng 8/2024: KQKD tích cực ở tất cả các phân khúc

- FPT báo cáo KQKD tháng 8/2024 tích cực và sát với dự báo, với doanh thu và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 23% và 22% so với cùng kỳ, đạt 5.421 tỷ đồng và 722 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận thuần 8 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt 21% và 23% so với cùng kỳ đạt 40 nghìn tỷ đồng và 5 nghìn tỷ đồng.
- Mảng công nghệ tiếp tục dẫn dắt đà tăng trưởng của Tập đoàn, với tỷ suất lợi nhuận cải thiện nhờ đồng yên tăng giá và năng suất cải thiện, trong khi đó mảng viễn thông thể hiện đà tăng trưởng tốt hơn và tỷ suất lợi nhuận tiếp tục mở rộng.
- Với kết quả trên, FPT đã hoàn thành 63% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 63,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 20,5%) và 7,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22,5%). Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với FPT.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 8/2024 và 8 tháng đầu năm 2024

Sáng ngày 17/9/2024, FPT công bố KQKD tháng 8/2024 tích cực. Mảng công nghệ tiếp tục là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính trong khi chúng tôi nhận thấy có sự cải thiện ở mảng viễn thông. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận thuần trong tháng 8 đạt lần lượt 5.421 tỷ đồng và 722 tỷ đồng, tăng 23% và 22% so với cùng kỳ. Kết quả trên đẩy doanh thu và lợi nhuận thuần 8 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt 21% và 23% so với cùng kỳ lên 39,7 nghìn tỷ đồng và 5 nghìn tỷ đồng. Chi tiết như sau:

Công nghệ vẫn là nền tảng cho sự tăng trưởng của Tập đoàn

Trong tháng 8, doanh thu mảng công nghệ tăng ấn tượng 34% so với cùng kỳ và tăng 11% so với tháng trước đó đạt 3.387 tỷ đồng, đẩy doanh thu 8 tháng tăng 26% so với cùng kỳ lên 24,5 nghìn tỷ đồng, nhờ vào sự đóng góp của mảng dịch vụ CNTT trong nước và toàn cầu. Trong đó:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 8/2024 & 8 tháng đầu năm 2024, FPT

FPT ghi nhận KQKD tăng mạnh & sát dự báo

Tỷ đồng	T8/24	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước	8T2024	% so với cùng kỳ	% dự báo 2024 của HSC
Doanh thu	5,421	23.3%	10.5%	39,664	20.8%	62.6%
Công nghệ	3,387	34.2%	10.7%	24,525	26.1%	63.4%
Thế giới	2,732	33.3%	3.9%	19,934	30.4%	64.8%
Trong nước	655	37.9%	51.6%	4,591	10.6%	57.9%
Viễn thông	1,503	12.2%	1.5%	11,228	8.6%	65.0%
Khác	531	-0.6%	46.3%	3,911	28.3%	52.5%
LNTT	1,002	20.3%	14.3%	7,077	19.9%	63.7%
Công nghệ	495	34.1%	17.0%	3,370	23.0%	64.3%
Thế giới	464	36.5%	9.4%	3,182	26.6%	66.3%
Trong nước	31	6.9%	Đảo chiều	188	-16.8%	42.6%
Viễn thông	315	19.8%	3.6%	2,378	16.0%	66.7%
Khác	193	-4.0%	28.7%	1,330	19.6%	57.8%
Lợi nhuận thuần	722	22.4%	17.8%	5,007	22.5%	63.2%

Nguồn: FPT, HSC

- Doanh thu từ **mảng dịch vụ CNTT toàn cầu** trong tháng 8 tăng mạnh 33% so với cùng kỳ và 4% so với tháng trước lên 2.732 tỷ đồng với sự tăng trưởng ở cả 4 thị trường chính bao gồm Nhật Bản, châu Á-Thái Bình Dương, Mỹ và EU. Trong đó, Nhật Bản và châu Á-Thái Bình Dương vẫn là những thị trường có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Trong mảng dịch vụ CNTT toàn cầu, doanh thu mảng chuyển đổi số đạt 1.216 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ và 22% so với tháng trước và đóng góp 44,5% doanh thu mảng dịch vụ CNTT toàn cầu.
- **Doanh thu ký kết mới** hạ nhiệt trong tháng 8, với mức giảm 49% so với cùng kỳ và 58% so với tháng trước, xuống 1.221 tỷ đồng do tình trạng kém khả quan tại thị trường Mỹ. Mặc dù vậy, doanh thu ký kết trong 8 tháng đầu năm vẫn vững chắc ở mức 22,8 nghìn tỷ đồng, tăng 19,2% so với cùng kỳ.
- **Doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước** ấn tượng trong tháng 8, với doanh thu thuần đạt 655 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ và tăng 52% so với tháng trước, nhờ nhu cầu từ mảng tài chính và ngân hàng phục hồi.

Nhờ KQKD tích cực trong tháng 8, doanh thu mảng dịch vụ CNTT toàn cầu và trong nước trong 8 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 19,9 nghìn tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ) và 4,6 nghìn tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ).

Các mảng khác tiếp tục thể hiện dấu hiệu tích cực

Mảng Viễn thông cho thấy dấu hiệu tích cực về đà tăng trưởng

Trong tháng 8, doanh thu mảng viễn thông tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ (tăng tháng thứ 3 liên tiếp kể từ tháng 6/2024) so với mức tăng trưởng một con số trong nửa đầu năm 2024. Theo đó, doanh thu mảng viễn thông trong tháng 8 đạt 1.503 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ và 2% so với tháng trước, đẩy doanh thu 8 tháng đầu năm 2024 tăng 9% so với cùng kỳ lên 11,2 nghìn tỷ đồng. HSC hiểu rằng ngành ngân hàng và tài chính vẫn là khách hàng chính của FPT trong phân khúc này.

Mảng giáo dục và đầu tư tiếp tục tăng trưởng

Trong tháng 8, FPT báo doanh thu mảng giáo dục và đầu tư đạt 531 tỷ đồng, không đổi so với cùng kỳ nhưng tăng 46% so với tháng trước, chủ yếu nhờ hiệu ứng mùa tựu trường ở mảng giáo dục. Kết quả trên hỗ trợ doanh thu 8 tháng đầu năm 2024 đạt 3,9 nghìn tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận tháng 8 mở rộng so với tháng trước ở tất cả các mảng

Tỷ suất lợi nhuận mảng công nghệ tăng nhờ JPY tăng giá và năng suất cải thiện

Trong tháng 8, LNTT mảng công nghệ đạt 495 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ và 17% so với tháng trước, đẩy doanh thu 8 tháng đầu năm 2024 tăng 23% so với cùng kỳ lên 3,4 nghìn tỷ đồng. Kết quả trên được thúc đẩy bởi mảng dịch vụ CNTT toàn cầu.

- LNTT của mảng dịch vụ CNTT toàn cầu trong tháng 8 đạt 464 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ và tăng 9% so với tháng trước. Theo quan điểm của chúng tôi, việc đồng yên tăng giá và sự cải thiện năng suất (doanh thu/nhân viên) đã hỗ trợ tỷ suất LNTT trong tháng 8, lên mức 17% so với 16,6% trong tháng 8/2023 và 16,1% trong tháng 7/2024. Kết quả trên dẫn đến LNTT trong 8 tháng đầu năm 2024 đạt 3,2 nghìn tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ, với tỷ suất LNTT đạt 16%, thấp hơn so với mức 16,4% trong 8 tháng đầu năm 2023.
- LNTT của mảng dịch vụ CNTT trong nước đạt 31 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ và chuyển biến tích cực từ lỗ trước thuế 1 nghìn tỷ đồng trong tháng 7/2024. Kết quả trên dẫn đến LNTT trong 8 tháng đầu năm 2024 đạt 188 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ, với tỷ suất LNTT đạt 4,1%, thấp hơn so với mức 5,4% trong 8 tháng đầu năm 2023.

Tỷ suất lợi nhuận mảng viễn thông tiếp tục cải thiện nhờ công tác quản lý chi phí tốt hơn

Trong tháng 8, LNTT của mảng viễn thông đạt 315 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ và 4% so với tháng trước, tạo ra tỷ suất LNTT 21%, cao hơn mức 19,6% trong tháng 8/2023 và 20,5% trong tháng 7/2024. Kết quả trên dẫn đến LNTT trong 8 tháng đầu năm 2024 đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, với tỷ suất LNTT đạt 21,2%, cao hơn so với mức 19,8% trong 8 tháng đầu năm 2023. HSC cho rằng công tác quản lý chi phí tốt hơn và việc đơn giản hóa công tác vận hành hỗ trợ tỷ suất lợi nhuận, đồng thời cải thiện hơn nữa tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Lợi nhuận mảng giáo dục và đầu tư cải thiện hơn nữa

LNTT mảng giáo dục và đầu tư trong tháng 8 đạt 193 tỷ đồng, tăng 29% so với tháng trước nhưng giảm 4% so với cùng kỳ, trong khi LNTT 8 tháng đạt 1,3 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận của mảng này trong tháng 8 đạt 36,3% và 34% trong 8 tháng đầu năm.

Do đó, tỷ suất lợi nhuận thuần của FPT cải thiện lên 13,3% trong tháng 8 và 12,6% trong 8 tháng đầu năm 2024.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với FPT

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với FPT với tiềm năng tăng giá là 12%. Do KQKD 8 tháng đầu năm 2024 sát với dự báo, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho cả năm, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng trưởng lần lượt 21% và 23% đạt 63,4 nghìn tỷ đồng và 7,9 nghìn tỷ đồng.

Bảng 2: Cơ cấu tỷ suất lợi nhuận theo mảng kinh doanh, FPT

%	T8/23	T7/24	T8/24	8T2023	8T2024
LNTT	18.9%	17.9%	18.5%	18.0%	17.8%
Công nghệ	14.6%	13.8%	14.6%	14.1%	13.7%
Viễn thông	19.6%	20.5%	21.0%	19.8%	21.2%
Khác	37.6%	41.3%	36.3%	36.5%	34.0%
Lợi nhuận thuần	13.4%	12.5%	13.3%	12.4%	12.6%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 3: Doanh thu kỳ kết mới, FPT

Tỷ đồng	T8/23	T7/24	T8/24	8T2023	8T2024
Giá trị	2,407	2,882	1,221	19,102	22,774
% so với cùng kỳ	42%	72%	-49%	24%	19%

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	63,409	76,284	92,859
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,516	29,676	36,263
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(14,368)	(17,337)	(21,152)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	314	499	630
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	110	132	161
LN TT	7,662	9,203	11,104	13,548	16,600
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,559)	(1,697)	(1,852)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,310	6,465	7,923	9,920	12,434
Lợi nhuận thuần ĐC	5,297	6,449	7,903	9,896	12,405
EBITDA ĐC	8,628	10,738	12,798	15,620	19,163
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,460	1,460	1,460
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,604	13,960	16,993
Hàng tồn kho	1,966	1,593	1,902	2,289	2,786
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,268	1,526	1,857
Tổng tài sản ngắn hạn	30,938	36,706	45,027	56,301	70,330
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	15,695	16,476
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,197	1,094	936
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	1,322	1,421	1,525
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,992	6,591	7,461
Tổng tài sản dài hạn	20,713	23,577	25,443	27,124	28,837
Tổng cộng tài sản	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	15,852	18,308	20,429
Phả trả người bán	3,209	2,603	3,170	3,814	4,643
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	13,011	15,653	19,054
Tổng nợ ngắn hạn	24,521	29,652	34,365	40,579	47,540
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	209	252	307
Tổng nợ dài hạn	1,770	629	1,139	1,648	1,782
Tổng nợ phải trả	26,294	30,350	35,504	42,227	49,322
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,263	34,640	42,303
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	25,356	29,933	34,966	41,198	49,845
Tổng nợ phải trả và VCSH	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
BVPS (đ)	19,185	19,665	20,037	23,718	28,966
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,524	3,971	564

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,281)	(4,052)
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,793)	(1,649)	(2,123)
Khác	(933)	(1,102)	(1,199)	(882)	(788)
LCT thuần từ HKKD	5,054	9,517	8,718	11,735	14,636
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(3,932)	(4,541)	(5,147)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,704	1,986	2,323
LCT thuần từ HĐĐT	5,757	(6,548)	(5,554)	(6,531)	(7,578)
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,921)	(3,651)	(3,651)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	2,406	2,856	2,121
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9,773)	(1,168)	(515)	(795)	(1,530)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	10,928	15,337
LCT thuần trong kỳ	1,038	1,800	2,649	4,409	5,529
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Dòng tiền tự do	1,839	5,539	4,786	7,194	9,490

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	38.7	38.9	39.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	20.2	20.5	20.6
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.5	13.0	13.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.6	14.3	13.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	20.5	20.3	21.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	19.2	22.0	22.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.6	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	40.5	40.4	32.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.2	31.0	32.3
ROACE (%)	26.6	29.3	30.4	31.3	32.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.97	0.99	1.02
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.86	0.95	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	17.9	17.9	18.0
Số ngày phải thu	116	109	109	109	110
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.8	29.9	29.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.4	14.1	3.92
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	24.4	24.2	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.34	1.29	1.18
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.31	1.39	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.40	3.27	3.11	2.56	2.07
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.4	16.0	15.4	12.5	10.0
P/E (lần)	29.6	28.1	26.6	21.2	16.9
P/E ĐC (lần)	29.6	28.1	26.6	21.2	16.9
P/B (lần)	6.83	6.67	6.54	5.53	4.53
Lợi suất cổ tức (%)	1.53	1.53	1.53	1.91	1.91

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn